

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TAD VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TAD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAD VIET NAM TRADING AND TOURISM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107366494

3. Ngày thành lập: 22/03/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đồng Kho, Xã Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; - Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt	2599
2.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
3.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
4.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5.	Trồng lúa	0111
6.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
7.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
8.	Trồng cây mía	0114
9.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
10.	Trồng cây hàng năm khác	0119
11.	Trồng cây ăn quả	0121
12.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
13.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
14.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
15.	Chăn nuôi lợn	0145
16.	Chăn nuôi gia cầm	0146

17.	Chăn nuôi khác chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;	0149
18.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19.	Khai thác gỗ (trừ loại nhà nước cấm)	0221
20.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ loại nhà nước cấm)	0222
21.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác (trừ loại nhà nước cấm)	0230
22.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
23.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
24.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
25.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
26.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
27.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
28.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu chi tiết: - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê;	1079
29.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
30.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
31.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
32.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
35.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác Bán buôn dầu thô Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
36.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng và các kim loại nhà nước cấm)	4662

37.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn kính xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
40.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
41.	Thu gom rác thải độc hại (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	3812
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
43.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	3822
44.	Tái chế phế liệu (trừ loại nhà nước cấm)	3830
45.	Xây dựng nhà các loại	4100
46.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
47.	Xây dựng công trình công ích	4220
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290

49.	Phá dỡ	4311
50.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
51.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
56.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
57.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
58.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
59.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
60.	Bán mô tô, xe máy	4541
61.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
62.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
64.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
65.	Bán buôn thực phẩm chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	4632
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
67.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230(Chính)
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
69.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)	9639

70.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hoá (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	6612
71.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
72.	Đại lý du lịch	7911
73.	Điều hành tua du lịch	7912
74.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	KIỀU TRUNG DŨNG	Thôn Đồng Kho, Xã Đồng Trúc, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	33,333	0010850093 96	
			Tổng số	60.000	600.000.000	33,333		
2	LÊ XUÂN TIẾN	TT bảo tàng Hồ Chí Minh, ngõ Bách Thảo, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	33,333	B2569186	
			Tổng số	60.000	600.000.000	33,333		
3	NGUYỄN TUẤN ANH	Xóm 2, Xã Bắc Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	33,333	B3219204	
			Tổng số	60.000	600.000.000	33,333		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ XUÂN TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/11/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B2569186

Ngày cấp: 12/09/2008

Nơi cấp: cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TT bảo tàng Hồ Chí Minh, ngõ Bách Thảo, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: TT bảo tàng Hồ Chí Minh, ngõ Bách Thảo, đường Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội